ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ PHÚ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 531/QĐ-UBND	*Phú An, ngày 31 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành lại bộ quy trình kiểm soát giải quyết thủ tục hành chính theo từng lĩnh vực trong phạm vi áp dụng của hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 thuộc UBND xã Phú An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng chính phủ về việc áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 116/2015/TT-BTC ngày 11/8/2015 của Bộ Tài chính về việc quy định công tác quản lý tài chính đối với việc xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính về việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ Kế hoạch số 2372/KH-UBND ngày 23/5/2019 của UBND tỉnh

Bình Dương về việc xây dựng, áp dụng, chuyển đổi và mở rộng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Dương giai đoạn 2019-2021;

Căn cứ Công văn số 1114/UBND-VX ngày 07/6/2019 của UBND thị xã Bến Cát về việc chuyển đổi và mở rộng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 trên địa bàn thị xã Bến Cát giai đoạn 2019-2021;

Căn cứ Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 17/7/2019 của UBND thị xã Bến Cát về việc xây dựng, áp dụng, chuyển đổi và mở rộng HTQLCL TCVN ISO 9001:2015 trên địa bàn thị xã Bến Cát năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1207/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải/UBND cấp huyện/UBND cấp xã và các cơ quan khác trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động Thương binh và Xã hội; UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện/UBND cấp xã tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 1457/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Dân tộc thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 13/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương; UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 1596/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ, UBND cấp xã tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện và UBND cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện và UBND cấp xã tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 19/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực nhà ở thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 826/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính liên thông "Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí" thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa Thể thao và du lịch; UBND cấp huyện, UBND cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới; TTHC sửa đổi, TTHC bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động Thương binh và Xã hội; UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Y tế, UBND cấp huyện/UBND cấp xã và các đơn vị y tế khác tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 1921/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố TTHC mới ban hành, TTHC bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện/UBND cấp xã tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo, thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp; thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện,UBND cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 3888/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ; UBND cấp huyện, UBND cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 3955/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực giải quyết tố cáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND xã Phú An về ban hành lại Bộ tài liệu của hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu

chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015;

Xét đề nghị của Đại diện Lãnh đạo Hệ thống quản lý chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai kèm theo Quyết định này ban hành bộ quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo từng lĩnh vực trong phạm vi áp dụng của hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 thuộc Ủy ban nhân dân xã.

Điều 2. Các cán bộ, công chức liên quan căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nội dung trong danh mục thủ tục hành chính theo từng lĩnh vực thuộc phạm vi áp dụng của hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 để thực hiện đầy đủ và chính xác những yêu cầu cụ thể của hệ thống quản lý chất lượng.

Điều 3. Ban chỉ đạo triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, các cán bộ, công chức liên quan trong hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay thế Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND xã và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Phòng Kinh tế thị xã;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ PHÚ AN T.X BẾN CÁT T.BÌNH DƯƠNG

Võ Thị Cẩm Liên

DANH MỤC
QUY TRÌNH CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHÙ HỢP VỚI TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015

(Kèm theo Quyết định số 531 /QĐ-UBND ngày 31 / 12 /2019 của UBND xã Phú An)

Tổng số: 129 thủ tục, 35 lĩnh vực

STT		LĨNH VỰC	SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	Trang
I.		**Lĩnh vực Tính ngưỡng tôn giáo**	**10**	Quyết định số 3888/QĐ-UBND ngày 25/12/2019	
1.	1	Thủ tục Đăng ký hoạt động tín ngưỡng			1
2.	2	Thủ tục Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng			2
3.	3	Thủ tục Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung			3
4.	4	Thủ tục Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã			4
5.	5	Thủ tục Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã			5
6.	6	Thủ tục Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung			6
7.	7	Thủ tục Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã			7
8.	8	Thủ tục Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác			8
9.	9	Thủ tục Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung			9
10.	10	Thủ tục Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc			10
II.		**Lĩnh vực Quản lý nhà nước về thi đua - khen thưởng**	**5**	Quyết định số 3888/QĐ-UBND ngày 25/12/2019	
11.	1	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị			11
12.	2	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp			12

		xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề			
13.	3	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất			13
14.	4	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình			14
15.	5	Tặng danh hiệu Lao động tiên tiến			15
III.		**Lĩnh vực Công tác lãnh sự**	**1**	Quyết định số 1596/QĐ-UBND ngày 14/6/2018	
16.	1	Thủ tục cấp Giấy phép nhập cảnh thi hài, hài cốt, tro cốt về Việt Nam			16
IV.		**Lĩnh vực Tiếp công dân**	**1**	Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/5/2018	
17.	1	Tiếp công dân tại cấp xã			17
V.		**Lĩnh vực Xử lý đơn**	**1**	Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/5/2018	
18.	1	Xử lý đơn tại cấp xã			18
VI.		**Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại**	**1**	Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/5/2018	
19.	1	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã			19
VII.		**Lĩnh vực Giải quyết tố cáo**	**1**	Quyết định số 3955/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	
20.	1	Giải quyết tố cáo tại cấp xã			20
VIII.		**Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng**	**4**		
21.	1	Thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập		Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/5/2018	21
22.	2	Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập			22
23.	3	Tiếp nhận yêu cầu giải trình			23
24.	4	Thực hiện việc giải trình			24
IX.		**Lĩnh vực Chứng thực**	**11**		
25.	1	Cấp bản sao từ sổ gốc		Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 17/9/2019	25
26.	2	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận			26
27.	3	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy			27

		tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)			
28.	4	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở			28
29.	5	Thủ tục chứng thực di chúc			29
30.	6	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản			30
31.	7	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở			31
32.	8	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở			32
33.	9	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch			33
34.	10	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch			34
35.	11	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực			35
X.		**Lĩnh vực Hộ tịch**	**19**	Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 17/9/2019	
36.	1	Đăng ký khai sinh			36
37.	2	Đăng ký kết hôn			37
38.	3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con			38
39.	4	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con			39
40.	5	Đăng ký khai tử			40
41.	6	Đăng ký khai sinh lưu động			41
42.	7	Đăng ký kết hôn lưu động			42
43.	8	Đăng ký khai tử lưu động			43
44.	9	Đăng ký giám hộ			44
45.	10	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ			45
46.	11	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch			46
47.	12	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân			47
48.	13	Đăng ký lại khai sinh			48
49.	14	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân			49

50.	15	Đăng ký lại kết hôn			50
51.	16	Đăng ký lại khai tử			51
52.	17	Cấp bản sao trích lục hộ tịch			52
53.	18	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi			53
54.	19	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi			54
XI.		**Lĩnh vực Nuôi con nuôi**	**2**	Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 17/9/2019	
55.	1	Đăng ký nuôi con nuôi trong nước			55
56.	2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước			56
XII.		**Lĩnh vực Bồi thường nhà nước**	**1**	Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 17/9/2019	
57.	1	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại			57
XIII.		**Lĩnh vực Hòa giải cơ sở**	**8**	Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 17/9/2019	
58.	1	Thủ tục bầu hòa giải viên (cấp xã)			58
59.	2	Thủ tục bầu tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)			59
60.	3	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)			60
61.	4	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên			61
62.	5	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải			62
63.	6	Thủ tục công nhận hòa giải viên			63
64.	7	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải			64
65.	8	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải			65
XIV.		**Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật**	**2**	Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 17/9/2019	
66.	1	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật			66
67.	2	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật			67
XV.		**Lĩnh vực Hành chính tư pháp**	**3**	Quyết định	

68.	1	Liên thông các thủ tục hành chính: đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)/hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí		số 826/QĐ-UBND ngày 9/4/2019	68
69.	2	Liên thông các thủ tục hành chính: đăng ký khai tử, xóa đặng ký thường trú			69
70.	3	Liên thông các thủ tục hành chính: đăng ký khai tử, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)/hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí			70
XVI.		**Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội**	**3**	Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 24/5/2018; Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	
71.	1	Thủ tục quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình			71
72.	2	Thủ tục quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng			72
73.	3	Thủ tục Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân			73
XVII.		**Lĩnh vực Người có công**	**2**	Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 24/5/2018	
74.	1	Thủ tục xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ			74
75.	2	Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi			75
XVIII.		**Lĩnh vực Bảo trợ xã hội**	**8**	Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 24/5/2018	
76.	1	Thủ tục xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật			76
77.	2	Thủ tục đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật			77
78.	3	Thủ tục Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở			78
79.	4	Thủ tục Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng			79
80.	5	Thủ tục Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em			80
81.	6	Thủ tục đưa đối tượng ra khỏi cơ sở trợ giúp trẻ em			81
82.	7	Thủ tục xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm			82

		nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn năm 2016-2020 thuộc diện đối tượng ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế			
83.	8	Thủ tục đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn			83
XIX.		**Lĩnh vực Giảm nghèo**	**2**	Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 24/5/2018	
84.	1	Thủ tục công nhận hộ nghèo, hộ thoát nghèo phát sinh trong năm			84
85.	2	Thủ tục công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm			85
XX.		**Lĩnh vực Trẻ em**	**6**	Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 24/5/2018	
86.	1	Thủ tục áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em			86
87.	2	Thủ tục chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em			87
88.	3	Thủ tục phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt			88
89.	4	Thủ tục đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em			89
90.	5	Thủ tục thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em			90
91.	6	Thủ tục chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế			91
XXI.		**Lĩnh vực Bảo vệ thực vật**	**1**	Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 28/5/2018; Quyết định số 1921/QĐ-UBND ngày 03/7/2019	
92.	1	Thủ tục đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất lúa			92
XXII.		**Lĩnh vực Nhà ở**	**2**	Quyết định	

93.	1	Cấp mới số nhà đối với hình thức đơn lẻ		số 589/QĐ-UBND ngày 19/3/2019	93
94.	2	Cấp đổi, điều chỉnh số nhà			94
XXIII.		**Lĩnh vực Đất đai**	**1**	Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 02/7/2018	
95.	1	Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai			95
XXIV.		**Lĩnh vực Môi trường**	**4**	Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 02/7/2018	
96.	1	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản			96
97.	2	Tham vấn ý kiến về đề án bảo vệ môi trường chi tiết			97
98.	3	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường			98
99.	4	Tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường			99
XXV.		**Lĩnh vực Tài nguyên nước**	**1**	Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 02/7/2018	
100.	1	Đăng ký khai thác nước dưới đất			100
XXVI.		**Lĩnh vực Khoáng sản**	**1**	Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 02/7/2018	
101.	1	Đăng ký thi công cải tạo mặt bằng trong diện tích đất ở được giao			101
XXVII.		**Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo**	**5**	Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 17/9/2019	
102.	1	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học			102
103.	2	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập			103
104.	3	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại			104
105.	4	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập			105
106.	5	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)			106
XXVIII		**Lĩnh vực Văn hóa cơ sở**	**3**	Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày	
107.	1	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội			107
108.	2	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm			108

109.	3	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa		04/5/2019	109
XXIX.		**Lĩnh vực Thư viện**	**1**	Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 04/5/2019	
110.	1	Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản			110
XXX.		**Lĩnh vực Thể dục thể thao**	**1**	Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 04/5/2019	
111.	1	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở			111
XXXI.		**Lĩnh vực Dân số - Kế hoạch hóa gia đình**	**1**	Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 18/6/2019	
112.	1	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số			112
XXXII.		**Lĩnh vực Quản lý giao thông**	**11**	Quyết định số 1207/QĐ-UBND ngày 10/5/2018	
113.	1	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút đấu nối tạm thời có thời hạn vào đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý).			113
114.	2	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý) đang khai thác			114
115.	3	Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đấu nối vào đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý)			115
116.	4	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý).			116
117.	5	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý).			117
118.	6	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường huyện, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý).			118
119.	7	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đấu nối vào			119

		đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý).			
120.	8	Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý).			120
121.	9	Cấp phép thi công công trình đường bộ trên đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý).			121
122.	10	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do UBND cấp xã khai thác.			122
123.	11	Xác nhận tình trạng báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung			123
	XXXIII	**Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng**	**3**	Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 13/6/2018	
124.	1	Cấp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại			124
125.	2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại			125
126.	3	Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại do hết thời hạn hiệu lực			126
	XXXIV	**Lĩnh vực Dân tộc**	**2**	Quyết định số 1457/QĐ-UBND ngày 31/5/2018	
127.	1	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số			127
128.	2	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số			128
	XXXV.	**Lĩnh vực Thủy Lợi**	**1**	Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 08/01/2019	
129.	1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác)			129
		TỔNG	**129**		